

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	1
DANH MỤC BẢNG .....	3
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	4
CHƯƠNG 1.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	5
1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Hải Xuân .....	5
1.1. Tên cơ sở: Điểm trung bày sản phẩm đặc trưng huyện và thương mại khu du lịch sinh thái Trà Lộc.....	5
1.2. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	5
1.2.1. Công suất hoạt động của cơ sở: .....	5
1.2.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: .....	5
1.2.3. Sản phẩm của cơ sở: .....	5
1.3. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	6
1.3.1. Nguyên liệu, điện nước sử dụng.....	6
1.4. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	7
1.4.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở.....	7
Chương II.....	8
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	8
2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: .....	8
2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường: .....	8
Chương III. ....	9
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	9
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	9
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	9
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	9
3.1.3. Xử lý nước thải .....	9
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	11
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	11

3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại .....	11
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	11
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	12
Chương IV.....	13
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>13</b>
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	13
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	14
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	14
Chương V. ....	15
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>15</b>
5.1 . Kết quả quan trắc môi trường định kỳ .....	15
Chương VI.....	16
<b>CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>16</b>
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	16
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	16
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả của các công trình, thiết bị xử lý chất thải .....	16
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của Pháp luật.....	16
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc tự động, liên tục.....	16
CHƯƠNG VII .....	17
<b>KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....</b>	<b>17</b>
Chương VII.....	18
<b>CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>18</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>19</b>
<b>CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>20</b>

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở.....	6
Bảng 2. Quy mô các hạng mục của Cơ sở .....	7
Bảng 3. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải .....	13
Bảng 4. Kết quả quan trắc nước thải .....	15
Bảng 5. Thời gian vận hành thử nghiệm của cơ sở.....	16

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
1	BTCT	Bê tông cốt thép
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	BVMT	Bảo vệ môi trường
4	BYT	Bộ Y tế
5	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	MTV	Một thành viên
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	UBND	Ủy ban nhân dân

## **CHƯƠNG 1.**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

#### **1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Hải Xuân**

- Địa chỉ văn phòng: Thôn Trà Lộc, Xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Cáp Văn Nhất

- Điện thoại: 0914075578

- Giấy đăng ký kinh doanh số 3200464597 đăng ký lần đầu ngày 03/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 19/5/2020.

#### **1.1. Tên cơ sở: Điểm trưng bày sản phẩm đặc trưng huyện và thương mại khu du lịch sinh thái Trà Lộc.**

- Địa điểm cơ sở: Cơ sở có vị trí tại Thôn Trà Lộc, Xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị có Diện tích: 4.061 m<sup>2</sup>.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch có tổng mức đầu tư 5,3 tỷ đồng, được phân loại tương đương dự án nhóm C theo tiêu chí quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

- Cơ sở đã được UBND huyện Hải Lăng cấp giấy phép xây dựng số 34a/GPXD ngày 11/6/2021.

- Cơ sở đã được UBND huyện Hải Lăng cấp giấy xác nhận Kế hoạch BVMT tại Giấy xác nhận số 1342/GXN-UBND ngày 30/3/2021.

#### **1.2. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:**

##### **1.2.1. Công suất hoạt động của cơ sở:**

- Quy mô/công suất: Diện tích của cơ sở: 4.061 m<sup>2</sup>. Công suất hoạt động: đáp ứng cho nhu cầu lưu trú của khoảng 20 người; phục vụ ăn uống, tham quan, dịch vụ giữ phương tiện cho khách vắng lai khoảng 500 người.

- Tần suất hoạt động 365 ngày/năm. Tuy nhiên, thời điểm kinh doanh tập trung vào mùa hè, vào mùa mưa rất ít khách du lịch.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trưng bày sản phẩm địa phương, dịch vụ ăn uống, du lịch, nghỉ dưỡng (13 phòng nghỉ).

##### **1.2.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:**

Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, lưu trú nghỉ dưỡng nên không có quy trình sản xuất. Các hoạt động của cơ sở gồm: lưu trú nghỉ dưỡng, ăn uống, du lịch sinh thái, dịch vụ giữ phương tiện giao thông.

##### **1.2.3. Sản phẩm của cơ sở:**

Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, lưu trú nghỉ dưỡng, đáp ứng

***Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Điểm trưng bày sản phẩm đặc trưng huyện và thương mại khu du lịch sinh thái Trà Lộc.***

cho nhu cầu lưu trú của khoảng 20 người; phục vụ ăn uống, tham quan, dịch vụ giữ phương tiện cho khách vắng lai khoảng 500 người.

**1.3. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**1.3.1. Nguyên liệu, điện nước sử dụng**

Cơ sở sử dụng nguyên liệu là các loại thức ăn, nước uống phục vụ cho khách hàng như: gạo, các loại thịt, cá, hải sản, rau các loại và các loại nước giải khát như nước ngọt, bia, nước lọc,...

**1.3.1.1. Nguồn cung cấp điện**

Điện phục vụ cho các hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt của Cơ sở được lấy từ đường dây hạ thế chạy ngang qua, nhu cầu tiêu thụ điện khoảng 1.500 kWh/tháng.

**1.3.1.2. Nguồn cung cấp nước**

- Nguồn nước phục vụ cho hoạt động của cơ sở được lấy từ nước dưới đất, riêng nước tưới cây lấy từ nguồn nước mặt có xung quanh cơ sở. Lượng nước sử dụng cho cơ sở bao gồm:

**Bảng 1. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng sử dụng nước</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Tiêu chuẩn cấp nước</b>	<b>Khối lượng nước (m<sup>3</sup>/ng.đ)</b>
1	Nước cấp cho sinh hoạt			
-	Nhân viên	10 người	100 L/người	1
-	Khách lưu trú	20 người	100 L/người	2
-	Khách hàng khác	500 người	12 L/người	6
2	Tưới cây			1
	<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>

Định mức sử dụng nước tính toán theo: TCXDVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế và Tiêu chuẩn Việt Nam; TCVN 4513:1988 về cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.

Theo kết quả tính toán ở trên thì tổng lượng nước cấp cần cho hoạt động của Cơ sở là 10 m<sup>3</sup>/ngày.

**1.4. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:**

**1.4.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở**

- Cơ sở đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2023
- Số lượng cán bộ công nhân viên: 10 người.
- Các hạng mục của cơ sở:

**Bảng 2. Quy mô các hạng mục của Cơ sở**

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nhà dịch vụ + nhà trưng bày	357,37	
2	Nhà dịch vụ, nghỉ dưỡng lưu trú 1	186,86	
3	Nhà dịch vụ, nghỉ dưỡng lưu trú 2	103,2	Chưa xây dựng
4	Nhà vệ sinh	51,52	
5	Nhà bảo vệ	9,94	
6	Nhà để xe ô tô	485,74	
7	Nhà để xe máy	269,3	
8	Nhà để xe nội bộ	27	
9	Bể bơi	277,2	Chưa xây dựng
10	Sân đường nội bộ	1.100	
11	Cây xanh	1.219,87	
	<b>Tổng</b>	<b>4.061</b>	

## **CHƯƠNG II.**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

Theo quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định ngành dịch vụ, du lịch được phân loại là ngành quan trọng trong phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực. Trong đó: “*Xây dựng và phát triển Quảng Trị trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn đặc trưng riêng về lịch sử - văn hóa ở khu vực miền Trung, đồng thời, là hạt nhân quan trọng trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây. Hình thành thương 10 hiệu du lịch Quảng Trị trên cơ sở khai thác giá trị biểu tượng về sự hồi sinh mạnh mẽ từ đổ nát do chiến tranh tàn phá, ký ức chiến tranh - khát vọng hòa Bình; phát huy lợi thế về biển đảo, sinh thái, văn hóa, tín ngưỡng... và kết nối liên vùng trong hệ thống du lịch di sản miền Trung, cùng các hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế*”. Hoạt động của cơ sở sẽ góp một phần vào sự phát triển theo định hướng nói trên.

Về phân vùng môi trường: Theo quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định khu vực Trầm Trà Lộc thuộc vùng khác.

#### **2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:**

Hiện tại, UBND tỉnh chưa ban hành khả năng chịu tải của môi trường của khu vực nên chưa có cơ sở để đánh giá khả năng phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường



### **CHƯƠNG III.**

## **KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Hiện tại, Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2023 với số lượng CBCNV 10 người. Quá trình hoạt động, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

### **3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

#### **3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Hiện tại, hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở được thoát theo hướng nghiêng của địa hình về hướng Bắc và Tây của cơ sở.

Hệ thống thoát nước mưa trên mái nhà theo hướng nghiêng địa hình khu đất chảy ra hướng Bắc và Tây của cơ sở sau đó đổ vào các ao nước và khe nước xung quanh cơ sở.

Để giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Tách riêng nước thải sinh hoạt không hòa lẫn chung với nước mưa
- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa tránh nước mưa cuốn theo làm mất mỹ quan cũng như ô nhiễm thủy vực tiếp nhận.
- Nhắc nhở công nhân có ý thức trong việc thu gom rác thải sinh hoạt.

#### **3.1.2. Thu gom, thoát nước thải**

Nước thải đen từ các khu vực nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC Ø 114, sau đó dẫn về bể tự hoại để xử lý. Nước thải sau xử lý theo đường ống thoát nước chung (PVC Ø 114) chảy ra khe nước tự nhiên phía Bắc cơ sở. Trên hệ thống có bố trí các hố ga kích thước 0,8x0,8x1m để thăm dò sự cố tắc nghẽn.

Đối với nước thải xám từ hoạt động nhà bếp được thu gom bằng đường ống PVC Ø 90 về hệ thống bể lắng, tách dầu và lọc để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của cơ sở.

#### **3.1.3. Xử lý nước thải**

##### **a. Nước thải sinh hoạt**

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 10 CBCNV, 20 khách lưu trú và khoảng 500 khách vắng lai (sử dụng dịch vụ ăn uống, gửi phương tiện giao thông).

***Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Điểm trung bày sản phẩm đặc trưng huyện và thương mại khu du lịch sinh thái Trà Lộc.***

---

- Tải lượng: Lượng nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp là 9 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất hữu cơ, tổng N, P, vi sinh vật gây bệnh, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt.

Trong đó: Nước thải đen (nước thải đi vệ sinh) chiếm khoảng 60% có khối lượng khoảng 5,4 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải xám chiếm (nấu ăn, vệ sinh sàn) khoảng 40% có khối lượng khoảng 3,6 m<sup>3</sup>/ngày.

***\* Đối với nước thải đen***

Hiện tại, cơ sở đã xử lý nước thải sinh hoạt bằng các bể tự hoại 4 ngăn. Cụ thể, đối với khu vực nhà nghỉ sử dụng 02 bể tự hoại 4 ngăn thể tích mỗi bể 17m<sup>3</sup>; tại khu vực nhà hàng bố trí 1 bể tự hoại 4 ngăn thể tích 8m<sup>3</sup>. Nước thải sau xử lý theo đường ống thoát nước chung (PVC Ø 114) chảy ra khe nước tự nhiên phía Bắc cơ sở. Trên hệ thống có bố trí các hố ga kích thước 0,8x0,8x1m để thăm dò và xử lý khi có sự cố tắc nghẽn.

***\* Đối với nước thải xám***

Nước thải xám có khối lượng 3,6 m<sup>3</sup>/ngày được đưa qua song chắn rác và bể tách dầu mỡ thể tích 0,9m<sup>3</sup> để loại bỏ các mẫu rác và dầu mỡ từ bếp ăn, sau đó được đưa qua cụm bể lắng, lọc cát sỏi trước khi thoát ra khe nước phía Bắc bằng đường ống nhựa PVC Ø90 (chảy chung đường ống thoát nước thải của bể tự hoại 5 ngăn khu vực nhà hàng).

Tính toán kích thước hệ thống xử lý nước thải xám: thể tích nước thải đưa vào hệ thống xử lý nước thải xám 3,6 m<sup>3</sup>/ngày để tính toán:

+ Bể tách dầu mỡ: thời gian lưu nước 6h: thể tích bể: 3,6 m<sup>3</sup>/ngày x 6h/24h/ngày = 0,9 m<sup>3</sup>, chọn kích thước: dài x rộng x sâu = 0,9x1x1m

+ Bể lắng: thời gian lưu nước 12h: thể tích bể: 3,6 m<sup>3</sup>/ngày x 12h/24h/ngày = 1,6m<sup>3</sup>, chọn kích thước: dài x rộng x sâu = 1x1,8x1m

+ Bể lọc: thời gian lưu nước 3h: thể tích bể: 3,6 m<sup>3</sup>/ngày x 3h/24h/ngày = 0,5 m<sup>3</sup>, chọn kích thước: dài x rộng x sâu = 1x1x1m (lớp vật liệu lọc gồm đá cuội, đá 1x2, than hoạt tính, cát dày 0,5m).

Nước thải xám sau khi qua hệ thống bể tách dầu, lắng, lọc sẽ được thoát ra khe nước tự nhiên phía Bắc dự án bằng đường ống nhựa PVC Ø90.

Theo kết quả giám sát mẫu nước thải đầu ra tại điểm thoát ra khe thoát nước phía Bắc (bảng 4) cho thấy các chỉ tiêu đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), riêng chỉ tiêu coliform vượt so với quy chuẩn, do đó trong thời gian tới, Chủ cơ sở sẽ xây dựng 01 bể khử trùng kích thước 1x1x1m nằm phía Bắc cơ sở, đảm bảo xử lý các vi sinh vật trước khi thoát ra môi trường.

### **3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải từ sản xuất. Khí thải bụi chỉ phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông và mùi thức ăn từ khu vực nhà bếp.

Để giảm thiểu các tác động này chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Tưới ẩm sân đường vào những ngày khô nóng để giảm bụi phát sinh do gió và ma sát với lốp xe

- Khu vực nhà bếp được xây dựng thông thoáng có quạt hút mùi ra môi trường bên ngoài.

- Trồng cây xanh bao xung quanh cơ sở, đảm bảo mật độ tối thiểu hơn 20% tổng diện tích khu vực. Với các biện pháp này nhằm góp phần làm giảm lượng bụi và tiếng ồn ra môi trường xung quanh. Các loại cây được sử dụng là cây có tán lá dày, cây cao để chắn bụi.

### **3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

\* *CTR sinh hoạt:*

- Nguồn phát sinh: từ quá trình sinh hoạt của cán bộ nhân viên, khách hàng; hoạt động nấu ăn, ăn uống của khách hàng, số lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 50kg/ngày. Thành phần gồm: bao bì ni lon, vỏ lon đựng thực phẩm, thực phẩm thừa, hư hỏng; xương động vật,...

Để xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí 03 thùng rác loại 120L tại nhà hàng (2 cái) và nhà nghỉ (01 cái), hàng ngày công nhân thu gom vào thùng rác và hợp đồng với Trung tâm môi trường đô thị huyện Hải Lăng định kỳ đem đi xử lý.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, vỏ lon; giấy vụn, bìa carton,... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Tổ chức phân loại rác theo quy định tại điều 75 Luật BVMT 2020.

### **3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại**

Hoạt động của cơ sở không phát sinh chất thải nguy hại.

### **3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Để giảm thiểu tiếng ồn từ các phương tiện xe cơ giới, Cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Phân luồng giao thông tại khu vực cổng và nội bộ của cơ sở

***Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Điểm trung bày sản phẩm đặc trưng huyện và thương mại khu du lịch sinh thái Trà Lộc.***

---

- Yêu cầu các phương tiện của khách hàng không được nổ máy trong quá trình đậu đỗ tại cơ sở.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

### **3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố cháy nổ có thể xảy ra đối với cơ sở một số biện pháp sau được thực hiện:

- Hệ thống PCCC của Cơ sở được thiết kế theo quy định và trình cơ quan chuyên môn là phòng Cảnh sát PCCC Tỉnh phê duyệt.

- Bố trí 10 bình chữa cháy CO<sub>2</sub> loại 4kg loại bột và bể nước để chữa cháy khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Thiết kế hệ thống dẫn điện theo đúng quy định an toàn, thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện.

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn và thực hành về công tác phòng cháy chữa cháy cho CBCNV dưới sự hướng dẫn của cảnh sát PCCC.

- Các số điện thoại của y tế, PCCC phải có sẵn để kịp thời ứng cứu. Bổ sung thêm phương tiện PCCC có tiêu lệnh và hướng dẫn cách sử dụng.

- Lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình theo đúng quy định.

*\* Đối với sự cố tai nạn giao thông*

- Công ty yêu cầu các phương tiện ra vào cơ sở phải tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông cũng như nội quy đề ra.

- Tổ chức phân luồng giao thông ra vào cơ sở khi lượng khách hàng đông.

- Khi có sự cố tai nạn giao thông xảy ra, chủ cơ sở sẽ liên hệ với các đơn vị có chức năng để xử lý, tổ chức liên hệ đơn vị y tế gần nhất để kịp thời cứu chữa nếu có nạn nhân.

## CHƯƠNG IV.

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của CBCNV làm việc tại cơ sở và khách hàng sử dụng các dịch vụ của cơ sở.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa:

+ Nước thải sinh hoạt: 9 m<sup>3</sup>/ngày (gồm nước thải đen 5,4 m<sup>3</sup>/ngày và nước thải xám 3,6 m<sup>3</sup>/ngày), chủ cơ sở đã bố trí nhà vệ sinh có 03 bể tự hoại 4 ngăn để thu gom nước thải đen và 01 bể lắng tách dầu, lọc để xử lý nước thải xám. Định kỳ sẽ thuê Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Hải Lăng thu gom vận chuyển đi xử lý.

- Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ được chảy ra môi trường phía Bắc của Cơ sở.

Chất lượng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt yêu cầu (cột B), theo QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

**Bảng 3. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1)
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Sunfua	mg/l	4,8
5	Amoni	mg/l	12
6	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	60
7	Dầu mỡ động vật	mg/l	24
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
9	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/l	12
10	Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải từ các hầm tự hoại và hệ thống xử lý nước thải nhà bếp được chảy ra môi trường phía Bắc của Cơ sở (tọa độ X: 1.852.372m; Y: 606.317m), phương thức xả thải là tự chảy.

#### **4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

Cơ sở không có nguồn phát sinh khí thải nên không đề nghị cấp phép.

#### **4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của Cơ sở chủ yếu phát sinh tiếng ồn từ phương tiện giao thông.

- Giới hạn đối với tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT (<70dBA).

**CHƯƠNG V.**

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**5.1 . Kết quả quan trắc môi trường định kỳ**

Để đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở đã phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh lấy mẫu, phân tích nước thải, kết quả như sau:

**Bảng 4. Kết quả quan trắc nước thải**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kết quả</b>	<b>QCVN 14:2008/BTNMT Cột B</b>
1	pH	--	6,90	5 – 9
2	TSS	mg/L	52	100
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	45	50
4	COD	mg/L	72	-
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N	mg/L	3,72	10
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N	mg/L	KPH (MDL=0,07)	50
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P	mg/L	0,211	10
8	S <sup>2-</sup> _H <sub>2</sub> S	mg/L	KPH (MDL=0,04)	4,0
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	2,50	20
10	Coliform	MPN/100mL	5,4x10 <sup>3</sup>	5.000

*Ghi chú:*

+ *NT: Vị trí lấy mẫu tại bể chứa sau hệ thống xử lý*

+ *QCVN 14:2008/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt*

Nhận xét: Qua kết quả phân tích trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT. Riêng chỉ tiêu Coliform vượt giới hạn cho phép, do đó chủ cơ sở sẽ bổ sung thêm bể khử trùng trước khi thoát ra môi trường.

## CHƯƠNG VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

##### 6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

**Bảng 5. Thời gian vận hành thử nghiệm của cơ sở**

TT	Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	03 Hệ thống xử lý nước thải đen	Tháng 01/6/2024	Tháng 03/6/2024	100%
2	01 hệ thống xử lý nước thải xám	Tháng 01/6/2024	Tháng 03/6/2024	100%

##### 6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở có công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Theo quy định tại khoản 5, điều 21, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, khi đi vào vận hành ổn định, Chủ cơ sở sẽ lấy mẫu 3 ngày liên tiếp (tháng 6/2024) để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải.

- Thông số quan trắc đối với nước thải sinh hoạt: pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, Amoni, Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), Dầu mỡ động vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>), Coliforms.

- Tần suất quan trắc:

+ Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ Cột B QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

#### 6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của Pháp luật.

##### 6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải, khí thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 và 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 và 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.



## **CHƯƠNG VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Từ năm 2023 đến nay, Cơ sở chưa có thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng. Các hoạt động về bảo vệ môi trường được Chủ cơ sở tuân thủ theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VII.**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong báo cáo.

- Tất cả các biện pháp BVMT sẽ thực hiện theo quy định và hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Áp dụng chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành

- Chúng tôi cam kết sẽ xử lý nước thải đảm bảo đạt theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- + Hồ sơ đất đai của Cơ sở.
- + Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến Cơ sở.
- + Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) liên quan đến Cơ sở.

**CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải;
- [2]. Assessment of sources of Air, Water and Land Pollution. Part I, World Health Organization, Geneva, 1993 (WHO, 1993);
- [3]. Lâm Minh Triết - Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp, tính toán thiết kế công trình;
- [4]. Mô hình hóa môi trường, TSKH Bùi Tá Long, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2008;
- [5]. PGS.TS Nguyễn Đình Mạnh, Đánh giá tác động môi trường, Hà Nội, 2005.